

Số: 36 /KH-UBND

Hải Phòng, ngày 02 tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH

Xác định giá đất, làm căn cứ thu tiền sử dụng đất các Dự án trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 08/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kịch bản tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2026 của thành phố Hải Phòng;

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 487/SNNMT-KTĐGD ngày 14/01/2026;

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Kế hoạch xác định giá đất, làm căn cứ thu tiền sử dụng đất từ các Dự án trên địa bàn thành phố năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đảm bảo hoàn thành Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố đề ra tại Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 08/01/2026.

- Phân chia các bước công việc cụ thể, gắn trách nhiệm từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, làm căn cứ để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất các dự án trên địa bàn thành phố.

- Nâng cao công tác phối hợp giữa các Sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Thuế thành phố Hải Phòng, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo đúng thời gian tiến độ xác định giá đất và thu tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước.

- Phân công cụ thể trách nhiệm cho các Sở, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu đảm bảo nguyên tắc 06 rõ: “**rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền**”.

- Các Sở, ngành, đơn vị, địa phương nêu cao tinh thần trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.



II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

Theo Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 08/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố: Tổng số dự án cần xác định giá đất trên địa bàn thành phố năm 2026 là **72 dự án**; với tổng diện tích đất quy hoạch dự án là **1.541,74ha**; tổng số thu tiền sử dụng đất của 72 dự án là **75.975,9 tỷ đồng** (trong đó: **54 dự án** thu vào năm 2026 là **52.390,55 tỷ đồng**, **18 dự án** thu vào năm 2027 là **23.585,35 tỷ đồng**), cụ thể:

1. Đối với việc xác định giá đất để tính thu tiền sử dụng đất **các dự án giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất**: Gồm **56 dự án** với tổng diện tích đất quy hoạch dự án là **1.413,76ha**; tổng số thu tiền sử dụng đất của 56 dự án là **68.739,39 tỷ đồng**; trong đó:

a) Thu trong năm 2026: **37 dự án** thu, tổng số tiền là **45.154,04 tỷ đồng**, cụ thể tại các Quý như sau:

- Quý I/2026: gồm **16 dự án** với tổng số tiền sử dụng đất là **7.288,81 tỷ đồng**;

- Quý II/2026: gồm **09 dự án** với tổng số tiền sử dụng đất là **3.323,5 tỷ đồng**;

- Quý III/2026: gồm **11 dự án** với tổng số tiền sử dụng đất là **34.441,73 tỷ đồng**;

- Quý IV/2026: gồm **01 dự án** với tổng số tiền sử dụng đất là **100 tỷ đồng**.

b) Thu trong năm 2027: **19 dự án**, số tiền là **23.585,35 tỷ đồng**.

2. Đối với việc xác định giá đất, **làm cơ sở xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất**: Gồm **16 dự án** với tổng diện tích quy hoạch là **127,97ha**; tổng số thu tiền sử dụng đất dự kiến thu được là **7.236,51 tỷ đồng** (thu toàn bộ trong năm 2026); trong đó:

- Quý I/2026: gồm **12 dự án** với tổng số tiền sử dụng đất là **6.747,38 tỷ đồng**;

- Quý II/2026: gồm **04 dự án** với tổng số tiền sử dụng đất là **489,13 tỷ đồng**;

3. Kế hoạch xác định giá đất cho từng dự án cụ thể: *Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.*

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công đồng chí Lê Anh Quân - Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, chỉ đạo các Sở, ngành, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan tập trung, quyết liệt thực hiện các giải pháp để triển khai theo đúng tiến độ xác định giá đất, đảm bảo đạt số thu ngân sách nhà nước về tiền sử dụng đất đạt và vượt kết quả theo Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 08/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan thường trực, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này của các cơ quan, đơn vị liên quan; tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện trước ngày 25 của tháng cuối Quý. Chịu trách nhiệm trong việc thực hiện công tác giao đất, thẩm định phương án đấu giá quyền sử dụng đất, tổ chức xác định giá đất đảm bảo đúng tiến độ.

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai công tác đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; thẩm định chủ trương đầu tư; tổ chức thẩm định phương án giá đất cụ thể theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường đảm bảo đúng tiến độ; tổng hợp báo cáo gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường định kỳ theo từng Quý (*trước ngày 20 của tháng cuối Quý*).

4. Sở Xây dựng chủ động phối hợp hướng dẫn Trung tâm phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trong việc thực hiện quy hoạch các dự án và các công việc khác liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Thuế thành phố Hải Phòng thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các Nhà đầu tư trong việc nộp tiền sử dụng đất để đảm bảo kế hoạch thu tiền sử dụng đất từng Quý theo Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố; cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác định giá đất theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

6. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố chịu trách nhiệm hoàn thiện các hồ sơ pháp lý về điều kiện tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai đối với các quỹ đất được giao quản lý, khai thác; đảm bảo tiến độ trình phương án đấu giá theo kế hoạch đề ra; Tổng hợp báo cáo gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường định kỳ theo từng Quý (*trước ngày 20 của tháng cuối Quý*).

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (địa bàn có dự án) chịu trách nhiệm trong việc triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đảm bảo đúng tiến độ đề ra; tổng hợp báo cáo gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường định kỳ theo từng Quý (*trước ngày 20 của tháng cuối Quý*).

Trên đây là Kế hoạch xác định giá đất, làm cơ sở thu tiền sử dụng đất các dự án trên địa bàn thành phố năm 2026; yêu cầu các Sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu khẩn trương tập trung triển khai các nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để chỉ đạo, giải quyết, tháo gỡ./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Các Sở: NNMT, TC, XD, TP;
- Thuế thành phố Hải Phòng;
- Trung tâm PTQĐ TP;
- CVP, PCVP UBND TP P.A. Tuấn;
- Các phòng: NNMT, NVKTGS, XDCT, TC;
- Lưu: VT, G.T.Tùng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Quân

Phụ lục:
CHI TIẾT KẾ HOẠCH XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT ĐỀ TÍNH THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NĂM 2026
 (Kèm theo Kế hoạch số: **36** /KH-UBND ngày **02/2**/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)		Thời gian hoàn thành tính giá đất theo Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 08/01/2026 của UBND thành phố	Kế hoạch chi tiết từng khâu công việc để thực hiện tính giá đất (Lưu ý: Yêu cầu thực hiện trước thời gian ghi trong biểu)						Dự kiến tiền sử dụng đất phải nộp (Tỷ đồng)	Năm 2026	Năm 2027	
			Tổng số	Trong đó, đất ở		Hoàn thành đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Hoàn thành GPMB	Hoàn thành giao đất	Hoàn thành trình phương án đầu giá	Trình Hội đồng thẩm định giá đất	Trình phê duyệt phương án giá đất				Quyết định phương án giá đất
A	DỰ ÁN GIAO ĐẤT KHÔNG QUA ĐẦU GIÁ		1.413,76	321,67									68.739,39	45.154,04	23.585,35
I	Thực hiện Kết luận Thanh tra Chính phủ số 856 (02 dự án)														
1	Dự án Khu dân cư và dịch vụ thương mại Bắc thị trấn Ninh Giang	Xã Ninh Giang	28,68	5,76	Quý IV/2026					30/11/2026	20/12/2026	31/12/2026	100,00		100,00
2	Dự án Khu dân cư bắc đường 52m	Phường Lê Thanh Nghị	10,57	5,11	Quý IV/2026					30/11/2026	20/12/2026	31/12/2026	500,00		500,00
II	Các Dự án đã có Quyết định giao đất/ cho thuê đất nhưng chưa tính giá (16 dự án)														
3	Dự án Khu dân cư thương mại và chợ sản phẩm đồ gỗ mỹ nghệ Đông Giao, xã Lương Điền (giao đợt 1)	Xã Cẩm Giàng	10,41	2,96	Tính giá xong trong năm 2025								444,00	444,00	
4	Dự án Khu dân cư mới xã Tân An và xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà (giao đợt 2)	Xã Thanh Hà, xã Hà Tây	1,16	0,15	Quý I/2026					15/02/2026	25/02/2026	30/3/2026	16,50	16,50	
5	Dự án Khu dân cư mới xã Tân Việt, huyện Thanh Hà	Xã Hà Bắc	9,34	3,45	Quý I/2026					15/02/2026	25/02/2026	30/3/2026	320,00	320,00	
6	Dự án nhà ở xã hội thuộc Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ KCN Tân Trường, huyện Cẩm Giàng	Xã Mao Điền	2,97	0,49	Quý I/2026					15/01/2026	20/01/2026	25/01/2026	63,70	63,70	
7	Dự án Khu nhà ở xã hội xã hội phường Trảng Cát thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải (giai đoạn 1)	Phường Hải An	25,69	2,25	Quý I/2026					15/02/2026	25/02/2026	30/3/2026	337,50	337,50	
8	Dự án Khu dân cư Phi Xá (giao đợt 2)	Xã Cẩm Giàng	1,42	0,87	Tính giá xong trong năm 2025								107,78	107,78	
9	Dự án Khu dân cư mới xã Phạm Kha	Xã Nguyễn Lương Bằng	12,25	3,28	Tính giá xong trong năm 2025								360,00	360,00	
10	Dự án Khu đô thị Phú Quý (Goldenland) - đợt 4	Phường Thạch Khôi	1,11	0,15	Tính giá xong trong năm 2025								28,33	28,33	
11	Dự án Khu đô thị Tân Phú Hưng mở rộng - đợt 4	Phường Tân Hưng	14,20	5,39	Tính giá xong trong năm 2025								900,00	900,00	
12	Dự án Khu dân cư Bà Triệu - đợt 1	Phường Lê Thanh Nghị	1,09	0,50	Tính giá xong trong năm 2025								176,00	176,00	
13	Dự án Khu dân cư Đại An II	Phường Tứ Minh	36,67	14,67	Tính giá xong trong năm 2025								1.760,00	1.760,00	
14	Dự án Khu dân cư mới Thị trấn Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ	13,58	3,99	Tính giá xong trong năm 2025								400,00	400,00	
15	Dự án Khu dân cư ven sông Thủy Nông và QL 18	Phường Chu Văn An	18,57	4,59	Tính giá xong trong năm 2025								408,00	408,00	
16	Dự án Khu dân cư ven đường tránh phía Tây cầu An Thành	Xã Phú Thái	9,60	4,48	Tính giá xong trong năm 2025								350,00	350,00	
17	Dự án Khu đô thị Hoàng Xá, xã Quốc Tuấn	Xã An Lão, An Quang	34,39	9,58	Tính giá xong trong năm 2025								1.398,00	1.398,00	
18	Dự án Làng Việt Kiều quốc tế, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân - giao đợt 4	Phường Lê Chân	9,22	0,63	Tính giá xong trong năm 2025								219,00	219,00	
III	Các Dự án đã lựa chọn nhà đầu tư nhưng chưa giao đất/ cho thuê đất (30 dự án)														
19	Khu dân cư đô thị phía Nam cầu Hân, thành phố Hải Dương	Phường Thành Đông	12,90	4,40	Quý II/2026			15/02/2026		15/6/2026	25/6/2026	30/6/2026	700,00	700,00	

20	Khu dân cư phía Nam đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương	Phường Lê Thanh Nghị	1,10	0,32	Quý IV/2026		30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	100	100	
21	Khu dân cư mới Ngọc Sơn	Phường Tân Hưng	7,96	2,94	Quý II/2026			15/02/2026		15/6/2026	25/6/2026	30/6/2026	200,00	200,00	
22	Khu dân cư đô thị Đồng Niên, phường Việt Hoà	Phường Việt Hoà	9,73	3,20	Quý II/2026		30/3/2026	15/4/2026		15/6/2026	25/6/2026	30/6/2026	320	320	
23	Khu đô thị Việt Hoà - Thanh Bình	Phường Việt Hoà	13,40	4,02	Quý IV/2026		30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	500		500
24	Khu đô thị mới Thạch Khê	Phường Thạch Khê	30,10	9,20	Quý IV/2026		30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	920		920
25	Khu đô thị mới Xuân Dương, TP Hải Dương	Phường Tứ Minh	30,60	7,10	Quý II/2026		30/3/2026	15/4/2026		15/6/2026	25/6/2026	30/6/2026	1.400,00	1.400,00	
26	Khu dân cư thương mại xã Cẩm Điền huyện Cẩm Giàng	Xã Cẩm Giàng	10,60	3,20	Quý IV/2026		30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	320		320
27	Khu dân cư mới phía bắc Quốc lộ 5 xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng	Xã Cẩm Giàng	8,00	2,40	Quý IV/2026		30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	240		240
28	Khu dân cư mới Đồng Sau Quán, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng	Xã Mao Điền	9,80	3,00	Quý IV/2026		30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	300		300
29	Khu dân cư mới xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng	Xã Tuệ Tĩnh	11,60	3,50	Quý IV/2026		30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	350		350
30	Khu dân cư ven sông Sặt	Xã Kê Sặt	28,30	9,70	Quý III/2026		30/6/2026	15/7/2026		15/9/2026	25/9/2026	30/9/2026	350	350	
31	Khu dân cư mới xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc	Xã Yết Kiêu	9,93	2,90	Quý III/2026		30/6/2026	15/7/2026		15/9/2026	25/9/2026	30/9/2026	340	340	
32	Khu dân cư mới số 3 xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc	Xã Yết Kiêu	9,90	2,90	Quý III/2026		30/6/2026	15/7/2026		15/9/2026	25/9/2026	30/9/2026	340	340	
33	Khu dân cư mới phía Nam xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách	Xã Trần Phú	2,30	0,70	Quý II/2026		15/3/2026	15/4/2026		15/6/2026	25/6/2026	30/6/2026	150	150	
34	Khu đô thị sinh thái Thành Công - Giai đoạn 2	Phường Kinh Môn	74,70	20,20	Quý IV/2026		30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	2020		2020
35	Khu dân cư mới phía Nam xã Tân Hương, huyện Ninh Giang	Xã Vĩnh Lại	9,30	2,60	Quý II/2026		30/3/2026	15/4/2026		15/6/2026	25/6/2026	30/6/2026	300,00	300,00	
36	Khu dân cư mới phía Nam chợ Neo, thị trấn Thanh Miện	Xã Thanh Miện	12,09	3,30	Quý III/2026		30/6/2026	15/7/2026		15/9/2026	25/9/2026	30/9/2026	400,00	400,00	
37	Khu dân cư mới Đồng Khổng, thôn Ô Mễ, xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ	Xã Tân Kỳ	2,59	0,75	Quý II/2026		30/3/2026	15/4/2026		15/6/2026	25/6/2026	30/6/2026	67,5	67,5	
38	Điểm dân cư mới thôn Vạn, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ	Xã Tứ Kỳ	3,24	0,93	Quý II/2026		30/3/2026	15/4/2026		15/6/2026	25/6/2026	30/6/2026	93	93	
39	Khu dân cư mới phía Đông ven đường tránh cầu An Thành, huyện Kim Thành	Xã Lai Khê	9,60	2,90	Quý III/2026		30/6/2026	15/7/2026		15/9/2026	25/9/2026	30/9/2026	290	290	
40	Điểm dân cư mới thôn Hợp Nhất, xã Lai Vu, huyện Kim Thành	Xã Lai Khê	2,50	0,80	Quý II/2026		30/3/2026	15/4/2026		15/6/2026	25/6/2026	30/6/2026	93	93	
41	Khu dân cư phía Tây - giai đoạn 2, ven đường tránh cầu An Thành, huyện Kim Thành	Xã Phú Thái	8,03	2,40	Quý III/2026		30/6/2026	15/7/2026		15/9/2026	25/9/2026	30/9/2026	240,00	240,00	
42	Điểm dân cư mới thôn Nại Đông, xã Tam Kỳ, huyện Kim Thành	Xã Kim Thành	10,80	3,20	Quý III/2026		30/6/2026	15/7/2026		15/9/2026	25/9/2026	30/9/2026	373,33	373,33	
43	Khu dân cư phía Đông - giai đoạn 2, ven đường tránh cầu An Thành, huyện Kim Thành	Xã Phú Thái	9,60	4,40	Quý III/2026		30/6/2026	15/7/2026		15/9/2026	25/9/2026	30/9/2026	250	250	
44	Dự án ĐTXD chính trang đô thị kết hợp trung tâm thương mại, dịch vụ tại lô OTM2-1, N2-3, CX2-4 ở phố A2 trong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2.000 quận Lê Chân (150 Tô Hiệu)	Phường Lê Chân	1,61	1,20	Quý IV/2026		30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	480		480
45	Dự án nhà ở thương mại phục vụ chính trang đô thị ven sông Lạch Tray	Phường Hưng Đạo	1,99	1,14	Quý IV/2026		30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	170,55		170,55
46	Dự án chính trang đô thị tại Khu dân cư Hải Phong, phường Hòa Nghĩa, Dương Kinh	Phường Dương Kinh	6,58	2,28	Quý IV/2026		30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	227,60		227,60
47	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị tại xã Đông Thái và xã An Đông, huyện An Dương	Phường An Hải	64,19	17,00	Quý IV/2026		30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	2.932,20		2.932,20

48	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị, dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ (quy mô 42,08ha)	Xã Lê Lợi, xã An Quang	42,08	16,64	Quý IV/2026		30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	1.913,60		1.913,60
49	Khu đô thị mới tại xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy	Xã Kiến Minh	83,60	30,09	Quý IV/2026	30/3/2026	30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	3.762,00		3.762,00
50	Dự án Khu đô thị sinh thái Đông Nam Hải Phòng (Dự án 2) tại phường Hải Thành, quận Dương Kinh	Phường Hưng Đạo	97,49	17,37	Quý III/2026	30/3/2026	30/6/2026	15/7/2026		15/9/2026	25/9/2026	30/9/2026	10.012,50		10.012,50
51	Dự án Khu đô thị du lịch dịch vụ khoáng nóng và sân golf quốc tế Xuân Đám tại Xã Xuân Đám, huyện Cát Hải - nay là đặc khu Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	199,10	3,20	Quý III/2026	30/3/2026	30/6/2026	15/7/2026		15/9/2026	25/9/2026	30/9/2026	8.959,50		8.959,50
52	Dự án Khu đô thị tại phường Trảng Cát, quận Hải An (Ecopark)	Phường Hải An	161,08	10,55	Quý III/2026	30/3/2026	30/6/2026	15/7/2026		15/9/2026	25/9/2026	30/9/2026	12.886,40		12.886,40
53	Khu đô thị FPT tại phường Đa Phúc, quận Dương Kinh Phường Đồng Hòa, quận Kiến An - nay là phường Hưng Đạo và phường Kiến An	Phường Hưng Đạo, Phường Kiến An	90,60	27,18	Quý IV/2026	30/3/2026	30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	7.248,00		7.248,00
54	Dự án nhà ở thương mại (phục vụ mục đích chính trang khu dân cư nông thôn) tại Xã Đông Thái, huyện An Dương	Phường An Hải	7,92	2,38	Quý IV/2026	30/3/2026	30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	475,20		475,20
55	Dự án Khu dân cư nông thôn mới tại xã Hồng Phong, huyện An Dương	Phường An Phong	12,78	3,83	Quý IV/2026	30/3/2026	30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	766,80		766,80
56	Khu dân cư nông thôn mới xã An Đồng	Phường An Hải	65,16	19,55	Quý IV/2026	30/3/2026	30/8/2026	15/9/2026		15/11/2026	25/12/2026	30/12/2026	359,40		359,40
B	DỰ ÁN ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT		127,97	41,71									7.236,51	7.236,51	0,00
1	Dự án đầu giá khu đất của Công ty CP Xây dựng và thương mại dịch vụ Tuấn Long	Xã An Thành	1,97	0,59	Quý II/2026				15/4/2026	15/6/2026	25/6/2026	30/6/2026	424,48		424,48
2	Khu đất Công ty cổ phần Viglacera Từ Sơn tại phường Thành Đông, tổng diện tích khu đất theo QĐ là 24.500,2 m2 (trong đó diện tích phù hợp để quy hoạch đất ở là 8.089,6m2)	Phường Thành Đông	24,50	0,81	Quý II/2026				15/4/2026	15/6/2026	25/6/2026	30/6/2026	28,99		28,99
3	Khu đất Công ty CP xuất nhập khẩu Hải Dương tại số 19 Trần Hưng Đạo, phường Hải Dương	Phường Hải Dương	0,01	0,01	Quý II/2026				15/4/2026	15/6/2026	25/6/2026	30/6/2026	19,38		19,38
4	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương (Trạm bơm Đò Hãn cũ)	Phường Thành Đông	0,40	0,40	Quý II/2026				15/4/2026	15/6/2026	25/6/2026	30/6/2026	16,28		16,28
5	Dự án đầu giá Khu nhà ở thương mại tại đảo Vũ Yên	Phường Thủy Nguyên	47,28	21,53	Tính giá xong trong năm 2025								2.500,00		2.500,00
6	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị hỗn hợp đa chức năng tại khu vực hồ Tân Hoa thuộc khu đô thị mới Bắc sông Cấm tại phường Thủy Nguyên (Lô I.17 và I.18)	Phường Thủy Nguyên	18,89	5,85	Tính giá xong trong năm 2025								1.462,43		1.462,43
7	Dự án đầu tư xây dựng công trình hỗn hợp cao tầng (có ở) và thương mại dịch vụ tại lô I.14/CTHH-01 (Giai đoạn 3) thuộc Khu đô thị mới Bắc sông Cấm, TP Thủy Nguyên	Phường Thủy Nguyên	3,25	1,23	Tính giá xong trong năm 2025								368,00		368,00
8	Dự án đầu tư xây dựng công trình hỗn hợp và Trung tâm tổ chức sự kiện tại Lô I.14/CTHH-01 trong Khu đô thị mới Bắc sông Cấm tại phường Thủy Nguyên, diện tích 1,96ha	Phường Thủy Nguyên	1,96	0,56	Quý I/2026				20/01/2026	15/3/2026	25/3/2026	30/3/2026	169,83		169,83
9	Dự án đầu giá Lô I.7/CTHH-01 (trước đây là Lô TMDV-03) trong Khu đô thị mới Bắc sông Cấm, TP Thủy Nguyên	Phường Thủy Nguyên	2,65	0,56	Tính giá xong trong năm 2025								123,00		123,00



10	Dự án đầu tư xây dựng công trình hỗn hợp cao tầng (có ở) và thương mại dịch vụ tại lô I.20/CTHH-01 thuộc Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm, TP Thủy Nguyên	Phường Thủy Nguyên	4,30	2,22	Quý I/2026				20/01/2026	15/3/2026	25/3/2026	30/3/2026	662,53	662,53	
11	Dự án đầu tư xây dựng công trình hỗn hợp cao tầng (có ở) và thương mại dịch vụ tại lô I.16/CTHH-01 thuộc Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm, TP Thủy Nguyên	Phường Thủy Nguyên	3,06	1,94	Quý I/2026				20/01/2026	15/3/2026	25/3/2026	30/3/2026	535,50	535,50	
12	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại thuộc Tổ dân phố số 06, phường Đằng Hải, quận Hải An	Phường Hải An	0,26	0,23	Quý I/2026				20/01/2026	15/3/2026	25/3/2026	30/3/2026	87,08	87,08	
13	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở thương mại tại phường Thành Tô, quận Hải An	Phường Hải An	5,40	1,47	Tính giá xong trong năm 2025								489,40	489,40	
14	Dự án khu nhà ở và công trình dịch vụ tại số 305 Lê Thánh Tông	Phường Ngô Quyền	0,36	0,19	Quý I/2026				20/01/2026	15/3/2026	25/3/2026	30/3/2026	57,19	57,19	
15	Khu đất thu hồi của Công ty Thép Cơ khí vật liệu xây dựng tại phường Hồng An	Phường Hồng An	13,56	4,07	Quý I/2026				20/01/2026	15/3/2026	25/3/2026	30/3/2026	240,00	240,00	
16	Dự án xây dựng khu nhà ở thương mại kết hợp chính trang đô thị tại số 4B Trần Phú, phường Gia Viên, quận Ngô Quyền	Phường Gia Viên	0,12	0,06	Quý I/2026				20/01/2026	15/3/2026	25/3/2026	30/3/2026	52,42	52,42	
TỔNG CỘNG:			1.541,74	363,38									75.975,90	52.390,55	23.585,35

HẢI PH